TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2024/DS-PT
Ngày: 06 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 187A/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu Chiêu P, sinh năm 1954; địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ,, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Ngô Thị K, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Châu Chiêu P là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/01/2024 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Châu Chiêu P trình bày:

Vào khoảng thời gian của các năm 2004 - 2006, bà Ngô Thị K có làm các biên nhận để mượn tiền của bà P, với tổng số tiền là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng) theo các Biên nhận có nội dung:

+ 01 Tờ giấy tập học sinh có ghi nội dung "10/11/004 âl mượn cô 6.000.000đ sáu triệu Vợ A" (bản chính);(Bút lục số 34).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung có ghi nội dung "24-6-06 mượng cô 5k Vợ A" (bản chính);(Bút lục số 21).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "chiều 10/4/05 mượn Cô P 5.000.000 năm triệu chẵn Vợ A mượn thêm 1.000.000 (1 triệu)" (bản chính); (Bút lục số 31).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "28/3/005 âl mượn Cô P 3.000 Vợ A" (bản chính); (Bút lục số 32).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "Cô P cho mượn 5.000.000 đ năm triệu Vợ A 25/11/004" (bản chính); (Bút lục số 33).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "2-7 mượn 1k Vợ A" (bản chính); (Bút lục số 22).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "9-11-2005 âl mượn Cô P 5k (năm triệu chẵn) Vợ A" (bản chính);(Bút lục số 27).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "Cô P cho mượn 4k 16/4/05 Vợ A" (bản chính););(Bút lục số 29).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "23/12/004 cô cho mượn 5.000.000đ năm triệu chẵn Vợ A" (bản chính);(Bút lục số 35).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "Cô cho mượn 5k (năm triệu chẵn) 23/5/005 Vợ A" (bản chính);(Bút lục số 25).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "Cô cho mượn 3k – Ba triệu 24/4/005 Vợ A" (bản chính);(Bút lục số 26).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "4/4/005 cô cho mượn 2.000.000 hai triệu chẵn Vợ A" (bản chính); (Bút lục số 30).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "7/tháng giêng mượn Cô P ba triệu đồng chẵn Vợ A" (bản chính); (Bút lục số 24.)

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "mượn Cô P 10.000.000 mười triệu chẵn: 06-01-006 Vợ A" (bản chính); (Bút lục số 23).

+ 01 Tờ giấy bìa cứng có ghi nội dung "cô cho mượn 6k sáu triệu 22/4/005 Vợ A" (bản chính);(bút lục số 28).

Tại phiên hòa giải, bà K chỉ thừa nhận có mượn bà P số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), không phải 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng) như bà P trình bày. Bà P đồng ý xác định vào năm 2004 - 2006, bà K có mượn bà P số tiền là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng). Cho đến năm 2018, bà K có trả góp cho bà P và đến nay đã trả được số tiền là 59.400.000 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng). Hiện bà K còn nợ bà P số tiền là 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà Châu Chiêu P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó bà P yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Buộc bà Ngô Thị K trả lại cho bà P số tiền 15.600.000 đồng (mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn bà Ngô Thị K trình bày:

Bà thừa nhận "Kiểm A" trong các biên nhận mà phía bà P cung cấp là tên mọi người thường gọi bà K. Vào năm 2004 - 2006, bà có vay tiền của bà Châu Chiêu P nhiều lần với số tiền là 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng), việc vay mượn có trả tiền lãi, với mức lãi 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), đóng lãi 1 ngày 3.000 đồng (Ba nghìn đồng). Việc đóng lãi kéo dài đến năm 2008, bà không có chứng cứ gì chứng minh cho việc đóng lãi. Đến năm 2006, bà hốt hụi có trả thêm cho bà P số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Ngày 01/01/2018, hai bên chốt nợ, theo đó bà Châu Chiêu P ghi nhận bà K còn thiếu bà P số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Sau đó, bà K tiếp tục trả đến năm 2023, thì đã trả được số tiền 59.400.000 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Châu Chiêu P về việc yêu cầu bà K hoàn trả số tiền 15.600.000 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi, thì bà K không đồng ý. Vì hiện bà K chỉ còn nợ lại bà P số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) và bà K đồng ý trả cho bà P số tiền này.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bà Ngô Thị K hoàn trả nợ vay.

Buộc bà Ngô Thị K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Châu Chiêu P số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong thì bà Ngô Thị K còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/6/2024, nguyên đơn bà P có đơn kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú và được Tòa án nhân dân huyện Long Phú nhận ngày 17/6/2024. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà K trả cho bà số tiền 17.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà P không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Vào năm 2004 - 2006, bà K có làm các tờ biên nhận mượn tiền của bà tổng cộng là 77.000.000 đồng và đến

năm 2018 bà K trả lần lượt số tiền 59.400.000 đồng, còn thiếu lại 17.600.000 đồng. Vào năm 2006, bà K nói hốt hụi để đem lại trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng, nhưng bà K không có đem lại trả số tiền này. Đối với giấy ghi "Tổng cộng Kiểm A thiếu 60.000.000 đồng ngày 01/01/2018 trả 50.000" là do bà K kêu bà ghi chốt nợ, nhưng bà chưa cộng lại số tiền nợ mà bà K nợ bà, nên ghi chốt nợ là chưa chính xác. Do đó, yêu cầu chấp nhận đơn kháng cáo của bà. Bị đơn bà K cho rằng: Trước đây bà có thiếu bà P tổng cộng số tiền 75.000.000 đồng, bà có tham gia hụi do bà P làm chủ, khi bà hốt hụi thì đã trả bằng hình thức trừ số tiền 15.000.000 đồng và tiền lãi 1.035.000 đồng và bà còn thiếu lại bà P số tiền 60.000.000 đồng, nên vào năm 2018 bà P viết giấy chốt nợ và bà còn thiếu lại số tiền 60.000.000 đồng, sau đó bà đã trả nhiều lần được số tiền 59.400.000 đồng, bà còn thiếu lại số tiền 600.000 đồng, bà đồng ý trả cho bà P số tiền này. Các đương sự không có sự thỏa thuận nào liên quan đến việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà P và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn bà Châu Chiêu P và bị đơn bà Ngô Thị K đều có mặt; nên HĐXX căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà P là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Quá trình tham gia tố tụng, bà P và bà K đều trình bày thống nhất các nội dung sau: Vào năm 2004 - 2006, giữa nguyên đơn và bị đơn có việc vay mượn tiền với nhau, nội dung ghi *"Kiểm A"* trong các biên nhận chính là bà K. Đồng thời, tờ giấy ghi dòng chữ "*Tổng cộng Kiểm A thiếu 60.000.000đ (Sáu chục triệu đồng) ngày 1/1/2018 trả ngày 50.000*" (BL số 44) là do bà P viết. Ngoài ra, các bên thống nhất từ năm 2018 đến nay, bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 59.400.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà K trả cho bà số tiền 17.600.000 đồng. Xét thấy:

[4.1] Theo Đơn kháng cáo bà P cho rằng: Vào năm 2004-2005-2006, bà K

làm các tờ giấy biên nhận mượn của bà tổng số tiền 77.000.000 đồng và đến năm 2018, bà K trả lần lượt đến nay được số tiền 59.400.000 đồng. Tuy nhiên, theo 15 tờ giấy (BL số 21 - 35) ghi ngày mượn tiền và số tiền từng lần mượn, tại dòng cuối của từng tờ giấy ghi *"Vợ A"*, không có người ký và ghi họ tên; tổng cộng các tờ giấy này với số tiền là 69.000.000 đồng, không phải tổng số tiền 77.000.000 đồng như lời nguyên đơn trình bày.

[4.2] Tại tờ giấy ghi "Vợ A" (BL số 36), gồm mặt trước và mặt sau có nghi các ngày mượn tiền và số tiền từng lần mượn và số tiền còn lại tổng cộng là 77.000.000 đồng, nhưng cũng không có ai ký và ghi họ tên, theo bà P cho rằng tờ giấy này là do bà tự ghi để theo dõi, nên chưa đủ cơ sở xác định trước đây bà K nợ bà số tiền 77.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà P xác định bà K mượn 75.000.000 đồng, không phải số tiền 77.000.000 đồng và bà P yêu cầu bà K trả số tiền còn lại sau khi trừ số tiền bà K đã trả được 59.400.000 đồng - 75.000.000 đồng = 15.600.000 đồng.

[4.3] Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét, giải quyết trong phạm vi bản án sơ thẩm đã xem xét, giải quyết khi có kháng cáo, kháng nghị. Do đó, nếu có chứng cứ nào chứng minh vào năm 2004 - 2006 bà K còn nợ bà số tiền nhiều hơn số tiền 75.000.000 đồng thì bà P có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[4.4] Theo Đơn kháng cáo bà P cho rằng: Vào năm 2006, bà K nói là có hốt hụi để đem lại trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng, nhưng thật sự không có trả. Tuy nhiên, nếu vào năm 2006 bà K không có trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng, thì đến khi chốt nợ vào ngày 01/01/2018 bà K sẽ còn thiếu lại số tiền 75.000.000 đồng; nhưng bà P thừa nhận vào ngày 01/01/2018, hai bên chốt nợ (BL số 44) bà P ghi nhận bà K còn nợ tổng số tiền là 60.000.000 đồng và sau đó trả dần được số tiền 59.400.000 đồng. Do đó, bà P cho rằng bà K không có trả cho bà số tiền 15.000.000 đồng là không có cơ sở.

[4.5] Từ những nhận định như đã nêu trên, xét thấy cấp sơ thẩm buộc bà K trả cho bà P số tiền 600.000 đồng là phù hợp, nên toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, không được HĐXX chấp nhận. HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Phú. Tuy nhiên, theo nhận định của bản án sơ thẩm không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 15.000.000 đồng, nhưng trong phần tuyên xử không tuyên số tiền không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đầy đủ, nên HĐXX phúc thẩm bổ sung cho đầy đủ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Bản án dân sự sơ thẩm được giữ nguyên, nên bà P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên, bà P sinh năm 1954 là người cao tuổi, nên được miễn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do bà P được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên không đặt ra xem xét việc hoàn trả lại.

[6] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Châu Chiêu P.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2024/DS-ST ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Án tuyên như sau:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Chiêu P.

- Buộc bà Ngô Thị K có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Châu Chiêu P số tiền 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Châu Chiêu P về việc yêu cầu buộc bà Ngô Thị K hoàn trả số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Châu Chiêu P và bị đơn bà Ngô Thị K được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Châu Chiêu P được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Toàn